

Hoc kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Phòng thi: D7-38

Số tờ giấy thi: 50.

Trang 1 / 2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-38

Số SV có mặt: 50

Số bài thi: 50

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1	Quang	8.5	6	7.0
30	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	1	Nam	8.5	8	8.2
31	2122050113	Thạch Bảo Quốc	3/6/2004	CCQ2205D	1	Bao	5.9	4	4.5
32	2122050137	Trần Văn Quốc	11/2/2004	CCQ2205B			7.3		
33	2122050121	Lê Đình Sơn	7/4/2004	CCQ2205A	1	Son	7.8	8.5	8.2
34	2122050018	Trương Tấn Tài	2/1/2004	CCQ2205A	1	Tai	8.3	9	8.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	2/9/2004	CCQ2205B	1	An	9.0	9.0
2	2122060023	Trần Thanh	Ấn	5/11/2002	CCQ2205A			0.0	
3	2122050060	Thái Quyền	Anh	24/02/2004	CCQ2205B	1	Thái	7.3	0 2.9
4	2122050004	Trương Khánh	Ấu	12/8/2004	CCQ2205A	1	Trương	8.8	9 8.9
5	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	1	Nguyễn	8.8	8.5 8.6
6	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B	1	Chiến	7.3	8 7.7
7	2122050082	Đoàn Đồng	Cơ	16/06/2004	CCQ2205C	1	Đoàn	5.8	7 6.5
8	2122050022	Mai Quang	Đại	10/6/2004	CCQ2205A	1	Mai	9.0	7 7.8
9	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	5/5/2004	CCQ2205B	1	Phạm	9.0	7 7.8
10	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C	1	Lê	6	9 7.8
11	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	1	Lưu	9.0	9 9.0
12	2122050131	Nguyễn Việt	Đông	24/03/2004	CCQ2205D				
13	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D	1	Nguyễn	7.3	9 8.3
14	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B	1	Nguyễn	8.8	7 7.7
15	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1	Vũ	8.3	0 3.3
16	2122050146	Bùi Quốc	Duy	6/1/2004	CCQ2205B			0.0	
17	2122050065	Lê Khánh	Duy	10/1/2004	CCQ2205B			0.0	
18	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	9/12/2004	CCQ2205A	1	Nguyễn	8.5	8 8.2
19	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	6/11/2004	CCQ2205B	1	Trần	8.0	8 8.0
20	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	CCQ2205D				
21	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	1/8/2004	CCQ2205C	1	Đoàn	5	8.5 7.1
22	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A	1	Huỳnh	8.3	0 3.3
23	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1	Phạm	8.3	8 8.1
24	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2004	CCQ2205A	1	Trương	7.3	8 7.7
25	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	4/4/2004	CCQ2205B	1	Nguyễn	8.8	9 8.9
26	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	9/12/2004	CCQ2205A	1	Trần	8.5	8.5 8.5
27	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	1	Võ	9.0	9 9.0
28	2122050005	Nguyễn Văn	Hùng	8/7/2004	CCQ2205A			0.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821901)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-40

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Le P. Trần Đào Thị Diệu
Đào Thị Diệu
Đào Thị Diệu
Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050077	Nguyễn Công Hưng	12/12/2004	CCQ2205C	1	Hưng	5,8	5	5,1
30	2122050059	Phan Trọng Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	1	Hữu	8.5	8	8,2
31	2122050129	Tổng Quang Huy	9/6/2002	CCQ2205D					
32	2122050054	Vũ Gia Huy	4/6/2004	CCQ2205B			0.0		
33	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B	1	Khải	8.5	7	7,6